LTLS Ngoại đợt 3

Thursday, August 12, 2021 11:02 PM



LTLS ngoại đợt 3

Tình huống 1: Nữ 72t, thay đổi thói quen đi tiêu, tiêu lắt nhắt, phân nhỏ dẹt, mót rặn, có cảm giác tiêu không hết phân, bụng hơi chướng, ???, nôn ói, chán ăn, không rõ sụt cân, tiền căn THA ĐTD

Khám bụng mềm, chướng nhẹ, ấn hơi đau???, khám trực tràng bình thường

Câu 1: triệu chứng quan trọng nhất chẩn đoán???

- A. Đi cầu
- B. ??
- C. Nhu động ruột tăng
- D. Tiêu phân dẹt

Câu 2: Chẩn đoán gì

- A. U trực tràng
- B. Ly amib
- C. Lao đại tràng
- D. IBS

Câu 3: BN được nội soi đại tràng, chuẩn bị ruột bằng fortrans uống kèm 3l nước, ói nhiều, bụng chướng hơn, đau bụng cơn quanh rốn, tiêu ít nước và phân??? Làm gì tiếp theo

- A. NS ĐT cấp cứu??
- B. XQ BKSS
- C. ??
- D. Thông trực tràng giải áp

Tình huống 2: Nam 50t, sụt cân, đau bụng âm ỉ trên rốn, tiêu phân đen, niêm nhạt, bụng mềm

Nội soi: ?? môn vị sẹo loét hẹp 1 phần

U 4x4 trên rốn di động kém, chắc

Câu 4: Làm gì tiếp theo

- A. Rửa dạ dày nội soi
- B. Xq DD cản quang
- C. CT scan
- D. Mri

Câu 5: u tá tràng T4N1Mx thiếu máu nhẹ Hb 90, suy tim EF 70, điều trị gì

- A. Hóa trị toàn thân
- B. Whipple
- C. Nối vị tràng rồi hóa trị
- D. Cắt bán phần dưới dạ dày

Câu 6: Nữ 87t, đau hạ sườn phải 3 ngày, âm ỉ tăng dần, lừ đừ, sốt 40 độ, mạch 110, HA 70/40, phân độ theo TG18

- A. Viêm tm cấp không phân độ được
- B. Độ 1
- C. Độ 2
- D. Độ 3

Câu 7: Túi mật 4x9cm, vách 5mm, thâm nhiễm mỡ, điều trị gì

1D

2A

3B

4C

5B

6D

7D

A. ? B. ? C. ? D. PTGBD	
Tình huống 3: BN nữ 58t đau bụng quặn cơn quanh rốn 1w, 4 ngày nay bí trung đại tiện, không sốt, buồn nôn nhưng không nôn, tỉnh, mạch 110 – 120, HA 100/60, không sốt, thở đều 20 l/p, không co kéo, bụng trướng căng, ấn đau nhẹ hố chậu phải, không sờ thấy u	
Câu 8: không làm gì ở cấp cứu	
A. CT bụng chậu B. Xq bkss C. Thăm HMTT D. Mri bụng chậu	8D
Câu 9: Sau khi làm CLS: tắc ruột nghi K chỗ nối đại tràng chậu hông – trực tràng, điều trị gì	
 A. Nội khoa B. Thụt tháo để nội soi C. Mổ cấp cứu mở HMNT D. Mổ CC cắt đoạn đại trực tràng nối 1 thì 	9C
Tình huống 4: BN nam 75t, đau bụng 1 ngày đột ngột đau dữ dội thượng vị lan khắp bụng, bí trung đại tiện, mạch 100 – 110, HA 80/60, sốt 39 độ, ấn đau,	
Câu 10: chỉ định tiếp theo	10A
A. Xq B. ?? C. ?? D. ??	
Câu 11: ra viêm phúc mạc thì không làm gì?	
A. Nội soi ổ bụng chẩn đoánB. ??C. ??D. ??	11A
Tình huống 5: BN nữ 60t, tiêu máu 2w, phân nhỏ dẹt, lẫn nhầy, từ năm 40 tuổi	
Khám HMTT rút găng có máu còn lại bình thường	
Nội soi thấy u trực tràng	
Câu 12: cls nào giá trị nhất?	
A. Mri B. ?? C. ?? D. ??	
Câu 13: Chẳn đoán K trực tràng cao T3N2Mx, điều trị gì?	
A. Hartman B. Cắt trước	

12A

13B

B. K trực tràng di căn hạch chậu C. ?? D. ?? Tình huống 6: BN nam 25t, có khối phồng vùng bẹn mấy năm nay, khối ngày càng to, ở trên nếp bẹn kích thước 3x5 cm, 1 tháng nay đẩy không xẹp, không đau, khối không xuống bìu, đi tiểu phải rặn. Câu 15: Không làm gì khi khám A. Khám tinh hoàn B. Khám tiền liệt tuyến C. Chẹn lỗ bẹn sâu D. Khám tư thế nằm Câu 16: Xử trí tiếp theo		
A. K trực tràng thấp đưới phúc mạc B. K trực tràng đi cần hạch chậu C. ?? D. ?? Tình huống 6: BN nam 25t, có khối phòng vùng ben mấy năm nay, khối ngày càng to, ở trên nêp ben kích thước 3x5 cm, 1 tháng nay đẩy không xep, không đau, khối không xuống bìu, đi tiểu phải rặn. Câu 15: Không làm gị khi khám A. Khâm tinh hoàn B. Khiảm tiên liệt tuyến C. Chen lỗ ben sâu D. Khâm tư thể nằm Câu 16: Xử trí tiếp theo A. Mỗ cấp cứu B. Mỗ chương trình C. ?? D. ?? Câu 17: So với mảnh ghép tự thân thì mảnh ghép nhân tạo trong mỗ TVB có nhược điểm gị A. Để tái phát B. Cô ti lệ nhiễm trùng mánh ghép C. ?? D. ?? Tình huống u gan: BN Câu 18: Nguy cơ HCC của BN là gì A. Uống rượu B. VG C C. ?? D. ?? Câu 19: Không cần làm gì tiếp theo A. Sinh thiết B. Mři C. Không nhớ nhưng cần làm D. CT Câu 20: CT ra u gan 8x8cm hạ phân thủy V VIII, không xâm lấn tính mạch cửa, bất thước thì đm, thải thuốc nhẹ thì muộn. Lâm gị tiếp theo		
B. K trực tràng di càn hạch chậu C. ?? D. ?? Tình huống 6: BN nam 25t, có khối phòng vùng ben máy năm nay, khối ngày càng to, ở trên nếp ben kích thước 3x5 cm, 1 tháng nay đẩy không xep, không đau, khối không xuống bìu, đi tiểu phải rận. Câu 15: Không làm gi khi khẩm A. Khám tinh hoàn B. Khám tiến liệt tuyến C. Chen lỗ ben sâu D. Khám tư thế nằm Câu 16: Xử trí tiếp theo A. Mỗ cấp cứu B. Mỗ chương trinh C. ?? D. ?? Câu 17: So với mánh ghép tự thân thì mánh ghép nhân tạo trong mỗ TVB có nhược điểm gi A. Dễ tái phát B. Cô ti lệ nhiễm trùng mánh ghép C. ?? D. ?? Tình huống u gan: BN Câu 18: Nguy cơ HCC của BN là gi A. Ưống rượu B. VG C C. ?? D. ?? Câu 19: Không cần làm gi tiếp theo A. Sinh thiết B. Mři C. Không nhớ nhưng cần làm D. CT Câu 20: CT ra u gan 8x8cm hạ phân thủy V VIII, không xâm lấn tĩnh mạch cửa, bất thuốc thì đm, thải thuốc nhệ thì muộn. Lâm gì tiếp theo	Câu 14: TME dùng cho K loại nào	
trên nép ben kích thước 3x5 cm, 1 tháng nay đẩy không xẹp, không đau, khối không xuống bìu, đi tiểu phải rận. Câu 15: Không làm gi khi khám A. Khám tinh hoàn B. Khám tiện liệt tuyến C. Chẹn lỗ bẹn sâu D. Khám tư thể nằm Câu 16: Xử trí tiếp theo A. Mỗ cấp cứu B. Mỗ chương trình C. ?? D. ?? Câu 17: So với mành ghép tự thân thì mành ghép nhân tạo trong mỗ TVB có nhược điểm gi A. Dỗ tái phát B. Cô tì lệ nhiễm trùng mảnh ghép C. ?? D. ?? Tình huống u gạn: BN Câu 18: Nguy cơ HCC của BN là gi A. Ưồng rượu B. VG C C. ?? D. ?? Câu 19: Không cần làm gì tiếp theo A. Sinh thiết B. Mri C. Không nhớ nhưng cần làm D. CT Câu 20: CT ra u gạn 8x8cm hạ phân thủy V VIII, không xâm lấn tĩnh mạch cửa, bất thước thì đm, thải thước nhẹ thì muộn. Làm gì tiếp theo	B. K trực tràng di căn hạch chậu C. ??	14A
A. Khám tinh hoàn B. Khiám tiện liệt luyển C. Chọn lỗ bọn sâu D. Khám tư thể nằm Câu 16: Xử trí tiếp theo A. Mổ cấp cứu B. Mổ chương trình C. ?? D. ?? Câu 17: So với mảnh ghép tự thân thì mảnh ghép nhân tạo trong mỗ TVB có nhược diễm gì A. Để tái phát B. Có tỉ lệ nhiễm trùng mảnh ghép C. ?? D. ?? Tình huống u gan: BN Câu 18: Nguy cơ HCC của BN là gì A. Uống rượu B. VG C C. ?? D. ?? Câu 19: Không cần làm gì tiếp theo A. Sinh thiết B. Mri C. Không nhỏn nhưng cần làm D. CT Câu 20: CT ra u gan 8x8cm hạ phân thủy V VIII, không xâm lấn tĩnh mạch cửa, bất thuốc thì đm, thải thuốc nhẹ thì muộn. Làm gì tiếp theo	trên nếp bẹn kích thước 3x5 cm, 1 tháng nay đẩy không xẹp, không đau, khối không	
B. Khám tiền liệt luyến C. Chạn lỗ bạn sâu D. Khám từ thể nằm Câu 16: Xử trí tiếp theo A. Mỗ cấp cứu B. Mổ chương trình C. ?? D. ?? Câu 17: So với mành ghép tự thân thì mảnh ghép nhân tạo trong mỗ TVB có nhược điểm gì A. Dễ tái phát B. Có tì lệ nhiễm trùng mảnh ghép C. ?? D. ?? Tình huống u gan: BN Câu 18: Nguy cơ HCC của BN là gì A. Uống rượu B. VG C C. ?? D. ?? Câu 19: Không cần làm gì tiếp theo A. Sinh thiết B. Mri C. Không nhớ nhưng cần làm D. CT Câu 20: CT ra u gan 8x8cm hạ phân thủy V VIII, không xâm lấn tĩnh mạch cửa, bất thuốc thì đm, thải thuốc nhệ thì muộn. Làm gì tiếp theo	Câu 15: Không làm gì khi khám	
A. Mổ cấp cứu B. Mổ chương trình C. ?? D. ?? Câu 17: So với mành ghép tự thân thì mành ghép nhân tạo trong mỗ TVB có nhược điểm gì A. Để tái phát B. Có tỉ lệ nhiễm trùng mành ghép C. ?? D. ?? Tình huống u gan: BN Câu 18: Nguy cơ HCC của BN là gì A. Uống rượu B. VG C C. ?? D. ?? Câu 19: Không cần làm gì tiếp theo A. Sinh thiết B. Mri C. Không nhớ nhưng cần làm D. CT Câu 20: CT ra u gan 8x8cm hạ phân thủy V VIII, không xâm lấn tĩnh mạch cửa, bắt thuốc thì đm, thải thuốc nhẹ thì muộn. Làm gì tiếp theo	B. Khám tiền liệt tuyến C. Chẹn lỗ bẹn sâu	15C
B. Mổ chương trình C. ?? D. ?? Câu 17: So với mảnh ghép tự thân thì mảnh ghép nhân tạo trong mổ TVB có nhược diễm gì A. Dễ tái phát B. Có tỉ lệ nhiễm trùng mảnh ghép C. ?? D. ?? Tình huống u gan: BN Câu 18: Nguy cơ HCC của BN là gì A. Uống rượu B. VG C C. ?? D. ?? Câu 19: Không cần làm gì tiếp theo A. Sinh thiết B. Mri C. Không nhớ nhưng cần làm D. CT Câu 20: CT ra u gan 8x8cm hạ phân thủy V VIII, không xâm lấn tĩnh mạch cửa, bất thuốc thì đm, thải thuốc nhẹ thì muộn. Làm gì tiếp theo	Câu 16: Xử trí tiếp theo	
diểm gì A. Dễ tái phát B. Có tỉ lệ nhiễm trùng mảnh ghép C. ?? D. ?? Tình huống u gan: BN Câu 18: Nguy cơ HCC của BN là gì A. Uống rượu B. VG C C. ?? D. ?? Câu 19: Không cần làm gì tiếp theo A. Sinh thiết B. Mri C. Không nhớ nhưng cần làm D. CT Câu 20: CT ra u gan 8x8cm hạ phân thủy V VIII, không xâm lấn tĩnh mạch cửa, bất thuốc thì đm, thải thuốc nhẹ thì muộn. Làm gì tiếp theo	B. Mỗ chương trình C. ??	16A
B. Có tỉ lệ nhiễm trùng mảnh ghép C. ?? D. ?? Tình huống u gan: BN Câu 18: Nguy cơ HCC của BN là gì A. Uống rượu B. VG C C. ?? D. ?? Câu 19: Không cần làm gì tiếp theo A. Sinh thiết B. Mri C. Không nhớ nhưng cần làm D. CT Câu 20: CT ra u gan 8x8cm hạ phân thủy V VIII, không xâm lấn tĩnh mạch cửa, bất thuốc thì đm, thải thuốc nhẹ thì muộn. Làm gì tiếp theo		
Câu 18: Nguy cơ HCC của BN là gì A. Uống rượu B. VG C C. ?? D. ?? Câu 19: Không cần làm gì tiếp theo A. Sinh thiết B. Mri C. Không nhớ nhưng cần làm D. CT Câu 20: CT ra u gan 8x8cm hạ phân thủy V VIII, không xâm lấn tĩnh mạch cửa, bất thuốc thì đm, thải thuốc nhệ thì muộn. Làm gì tiếp theo	B. Có tỉ lệ nhiễm trùng mảnh ghépC. ??	17B
A. Uống rượu B. VG C C. ?? D. ?? Câu 19: Không cần làm gì tiếp theo A. Sinh thiết B. Mri C. Không nhớ nhưng cần làm D. CT Câu 20: CT ra u gan 8x8cm hạ phân thủy V VIII, không xâm lấn tĩnh mạch cửa, bắt thuốc thì đm, thải thuốc nhẹ thì muộn. Làm gì tiếp theo	Tình huống u gan: BN…	
A. Uong rượu B. VG C C. ?? D. ?? Câu 19: Không cần làm gì tiếp theo A. Sinh thiết B. Mri C. Không nhớ nhưng cần làm D. CT Câu 20: CT ra u gan 8x8cm hạ phân thùy V VIII, không xâm lấn tĩnh mạch cửa, bắt thuốc thì đm, thải thuốc nhẹ thì muộn. Làm gì tiếp theo	Câu 18: Nguy cơ HCC của BN là gì	
A. Sinh thiết B. Mri C. Không nhớ nhưng cần làm D. CT Câu 20: CT ra u gan 8x8cm hạ phân thùy V VIII, không xâm lấn tĩnh mạch cửa, bắt thuốc thì đm, thải thuốc nhẹ thì muộn. Làm gì tiếp theo	B. VG C C. ??	18B
B. Mri C. Không nhớ nhưng cần làm D. CT Câu 20: CT ra u gan 8x8cm hạ phân thùy V VIII, không xâm lấn tĩnh mạch cửa, bắt thuốc thì đm, thải thuốc nhẹ thì muộn. Làm gì tiếp theo	Câu 19: Không cần làm gì tiếp theo	
thuốc thì đm, thải thuốc nhẹ thì muộn. Làm gì tiếp theo	B. Mri C. Không nhớ nhưng cần làm	19A
A. Cắt thùy gan		20C
	A. Cắt thùy gan	

B. Cắt gan P
C. Tace
B. Cắt gan P C. Tace D. RFA

Tình huống Chấn thg bụng: BN nam 24 tuổi, té từ lầu cao xuống, đập bụng xuống đất, lúc NV mạch nhanh 100-110, HA 100/70, niêm hồng nhạt, ấn đau khá nhiều HSP, những vùng khác ấn đau nhẹ. SÂ FAST tại CC ghi nhận Vỡ gan & dịch bụng lượng TB. => nghĩ nhiều dịch này là Máu rồi => chọc rửa & chọc hút cũng ko có gía trị lắm lúc này nữa

CLS nào cần làm ở thời điểm nhận bệnh:

- A. Chọc rửa dịch ổ bụng
- B. Chọc hút dịch ổ bụng
- C. Chup mạch máu = DSA
- D. Chụp XQ phối thắng → đánh giá vớ lồng ngực ko

BN đc chụp CT bụng chậu cản quang để đánh giá Vỡ gan. Thông tin quan trọng nào cần thiết để đưa ra hướng điều trị:

- Kích thuốc ổ máu tụ
- B. Vỡ phần thuỳ gan nào
- C. Dịch bụng tập trung nhiều ở đâu
- D. Dấu thoát mạch có hay ko

Sau khi chụp CT BN võ Sốc giảm thể tích, chỉ định nào phù hợp:

 Mổ ngay => BN vô sốc rồi + SÂ thấy ng.nhân nằm trong ổ bụng rồi thì CĐ Mổ mở cầm máu là CĐ tuyệt đối